|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**TRƯỜNG THCS DƯƠNG XÁ****ĐỀ SỐ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA 60 phút- NĂM HỌC 2019 – 2020****Môn: Địa Lí***Thời gian làm bài: 60 phút* |

**Chọn câu trả lời đúng:**

***Câu 1. Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế các vùng lãnh thổ nước ta vì***

1. nhu cầu về tài nguyên rừng rất lớn và phổ biến.
2. nước ta có ¾ đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.
3. độ che phủ rừng nước ta lớn và hiện đang gia tăng.
4. rừng giàu, có nhiều gỗ quý, có nguồn dược liệu, thực phẩm.

***Câu 2. Các điểm dân cư nông thôn của người Kinh thường có tên gọi là***

1. ấp. B. bản. C. plây. D. sóc.

***Câu 3.*** ***Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết vườn quốc gia Cúc Phương thuộc tỉnh nào sau đây?***

 A. Nam Định. B. Ninh Bình. C. Thái Bình. D. Thanh Hóa.

***Câu 4. Các bộ phận thuộc vùng biển nước ta tính từ đất liền ra lần lượt là***

 A. lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế.

 B. tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, nội thủy.

 C. lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải.

 D. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế.

***Câu 5. Tuyến đường bộ nào sau đây là trục giao thông xương sống của các tỉnh Tây Nguyên?***

 A. Đường Hồ Chí Minh.

 B. Quốc lộ 1A.

 C. Quốc lộ 19.

 D. Quốc lộ 26.

***Câu 6. ĐBSH là sản phẩm bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông nào sau đây?***

1. Hệ thống sông Mã.
2. Hệ thống sông Cửu Long.
3. Hệ thống sông Thái Bình.
4. Hệ thống sông Cả.

***Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết Quốc lộ 1 nối từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến địa điểm nào sau đây?***

1. Quận 1 (TP. Hồ Chí Minh).
2. Quận Ninh Kiều (TP.Cần Thơ).
3. Huyện Kiên Lương (Kiên Giang).
4. Huyện Năm Căn (Cà Mau).

***Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nước ta xuất khẩu sang các nước và vùng lãnh thổ nào sau đây đạt giá trị trên 6 tỉ USD?***

1. Trung Quốc và Nhật Bản. B. Đài Loan và Xin-ga-po.

 C. Hoa Kì và Nhật Bản. D. Hoa Kì và Trung Quốc.

***Câu 9. Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là***

1. Hà Nội – Lào Cai. B. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.

 C. Hà Nội – Đà Nẵng. D. Hà Nội – Hải Phòng.

***Câu 10. Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất Đông Nam Bộ là***

 A. đất badan và feralit.

 B. đất xám và đất phù sa.

 C. đất badan và đất xám.

 D. đất xám và đất phèn.

***Câu 11. Nhật xét nào sau đây không đúng khi nói về phân bố dân cư ở nước ta?***

1. Dân cư phân bố không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ.
2. Dân cư tập trung đông ở các vùng đồng bằng và ven biển.
3. Mật độ dân số ở các đô thị thấp hơn ở các vùng nông thôn.
4. Phân bố dân cư có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

***Câu 12. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, dân tộc ít người có số dân ít nhất của nước ta (năm 2009) là***

1. Pu Péo. B. Rơ - măm. C. Brâu. D. Ơ - đu.

***Câu 13. Vùng núi nổi bật với các cánh cung lớn Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều là***

1. Đông Bắc.
2. Tây Bắc.
3. Trường Sơn Bắc.
4. Trường Sơn Nam.

 ***Câu 14. Công nghiệp dầu khí là ngành trẻ nhưng nhanh chóng trở thành ngành trọng điểm ở nước ta, nguyên nhân chính là do***

1. sản lượng khai thác lớn.
2. mang lại hiệu quả kinh tế cao.
3. có thị trường tiêu thụ rộng.
4. thu hút nhiều đầu tư nước ngoài.

***Câu 15. Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ ở nước ta không thể hiện ở việc***

1. hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp.
2. hình thành các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ.
3. tạo ra các vùng kinh tế phát triển năng động.
4. khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển.

***Câu 16. Dệt - may là ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?***

 A. Nguồn nguyên liệu phong phú.

 B. Có nhiều lao động lành nghề.

 C. Nguồn lao động dồi dào.

 D. Giao thông thuận tiện.

***Câu 17. Khó khăn lớn trong việc sử dụng tài nguyên đất ở DHNTB so với các vùng khác là***

A. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

B. diện tích đất trống, đồi núi trọc nhiều.

C. qũy đất nông nghiệp rất hạn chế.

D. địa hình có độ dốc lớn.

***Câu 18.*** ***Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, những vùng có diện tích đất trồng cây lương thực – thực phẩm và cây hàng năm lớn nhất của nước ta là***

A. TD&MN Bắc Bộ và ĐBSH. B. ĐBSH và ĐBSCL.

C. ĐBSCL và DHNTB. D. DHNTB và TD&MN Bắc Bộ.

***Câu 19. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất trong các hệ thống sông ở nước ta?***

A. Sông Mê Công. B. Sông Đồng Nai.

C. Sông Mã. D. Sông Hồng.

**Câu 20.** ĐBSCL giáp với Cam-pu-chia ở phía nào?

 A. Bắc. B. Tây. C. Tây nam. D. Tây bắc.

***Câu 21. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đa dạng thể hiện ở chỗ***

1. có đầy đủ các ngành thuộc các lĩnh vực.
2. có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.
3. có các cơ sở Nhà nước, ngoài Nhà nước.
4. nhiều cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

***Câu 22. Cơ cấu sản lượng và cơ cấu giá trị sản xuất ngành thủy sản nước ta trong những năm gần đây chuyển dịch theo hướng***

1. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng.
2. tăng tỉ trọng cả khai thác và nuôi trồng.
3. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng.
4. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng ít biến động.

***Câu 23. Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?***

1. Nhiệt độ cao quanh năm, mùa khô kéo dài và rất sâu sắc.
2. Mùa đông đến sớm, kết thúc muộn và rất lạnh.
3. Nhiệt độ trung bình năm toàn miền thấp nhất cả nước.
4. Mùa đông đến muộn, kết thúc sớm và không quá lạnh.

 ***Câu 24. Vùng Tây Nguyên có mật độ dân số cao hơn vùng nào sau đây?***

1. Đông Bắc.
2. Tây Bắc.
3. Bắc Trung Bộ.
4. Đông Nam Bộ.

***Câu 25. Vùng Tây Nguyên gồm những tỉnh nào sau đây?***

 A. Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

 B. Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Thuận.

 C. Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Định.

 D. Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận.

***Câu 26. Khó khăn lớn nhất của ngành công ngiệp ở thị trường trong nước hiện nay là***

1. sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu.
2. bị cạnh tranh quyết liệt bởi hàng ngoại nhập.
3. sức mua của nền kinh tế thấp.
4. giá thấp nên ít lợi nhuận.

***Câu 27.*** ***Các vịnh biển nào sau đây không thuộc vùng DHNTB?***

 A. Vân Phong và Đà Nẵng.

 B. Cam Ranh và Xuân Đài.

 C. Hạ Long và Diễn Châu.

 D. Nha Trang và Quy Nhơn.

***Câu 28. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp năng lượng trong Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?***

1. Hòa Bình. B. Y-a-ly. C. Đa Nhim. D. Trị An.

***Câu 29. Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất ở nước ta hiện nay là.***

1. Hà Nội – Đà Nẵng.
2. Đà Nẵng – Hải Phòng.
3. Hải Phòng – TP. Hồ Chí Minh.
4. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

***Câu 30. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc đẩy mạnh sản xuất lương thực nước ta là***

1. đảm bảo nhu cầu lương thực cho nhân dân.
2. cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
3. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
4. tạo nguồn hàng xuất khẩu.

***Câu 31. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp chung trong Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hai trung tâm công nghiệp có giá trị sản xuất công nghiệp trên 120 nghìn tỉ đồng là***

1. Hải Phòng và Biên Hòa.
2. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
3. Đà Nẵng và Thủ Dầu Một.
4. Bà Rịa – Vũng Tàu và Cần Thơ.

***Câu 32. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với các vùng phía Bắc và phía Nam là***

 A. dãy núi Tam Điệp và Bạch Mã.

 B. dãy núi Tam Điệp và đèo Ngang.

 C. sông Cả và dãy núi Bạch Mã.

 D. sông Mã và sông Bến Hải.

***Câu 33. Dân số nước ta vẫn còn tăng nhanh là do***

1. nước ta có quy mô dân số lớn. B. tỉ lệ gia tăng cơ học cao.

C. tuổi thọ trung bình tăng cao. D. tỉ lệ tử vong trẻ em giảm.

***Câu 34. Ngành công nghiệp nào sau đây phân bố rộng khắp cả nước?***

1. Điện, khai thác than. B. Cơ khí, hóa chất.

 C. Hóa chất, luyện kim. D. Chế biến lương thực – thực phẩm.

***Câu 35. Thế mạnh kinh tế nổi bật nhất của tiểu vùng Đông Bắc là***

1. phát triển thủy điện. B. nuôi trồng thủy sản.

 C. chăn nuôi gia súc. D. khai thác khoáng sản.

***Câu 36. Cho bảng số liệu:***

**Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế**

**ở nước ta giai đoạn 2000 - 2016** ( Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2014** | **2016** |
| Nông- lâm- thủy sản | 24,5 | 19,3 | 21,0 | 19,7 | 18,1 |
| Công nghiệp- xây dựng | 36,7 | 38,1 | 36,7 | 36,9 | 36,4 |
| Dịch vụ | 38,8 | 42,6 | 42,3 | 43,4 | 45,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2010 và 2016. NXB Thống kê, 2011 và 2017)*

***Từ số liệu ở bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về sự chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2000- 2016?***

 A. Khu vực nông- lâm- thủy sản có xu hướng giảm tỉ trọng.

 B. Khu vực dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu.

 C. Khu vực công nghiệp- xây dựng có tỉ trọng tăng liên tục.

 D. Tỉ trọng khu vực nông- lâm- thủy sản thấp nhất trong cơ cấu.

***Câu 37. Cho bảng số liệu***:

**Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn**

**ở nước ta giai đoạn 2000 – 2016 ( Đơn vị: %)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2004** | **2008** | **2012** | **2016** |
| Dân thành thị | 24,1 | 26,5 | 29,0 | 31,8 | 34,4 |
| Dân nông thôn | 75,9 | 73,5 | 71,0 | 68,2 | 65,6 |

 (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2010 và 2016. NXB Thống kê, 2011 và 2017)

***Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thông ở nước ta giai đoạn 2000- 2016, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?***

 A. Cột. B. Miền.

 C. Đường biểu diễn. D. Kết hợp.

***Câu 38. Cho bảng số liệu:***

***Sản lượng dầu thô khai thác, dầu thô xuất khẩu và xăng dầu nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005- 2016*** *( Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** | **2014** | **2016** |
| Dầu thô khai thác | 18,5 | 14,9 | 15,0 | 17,4 | 17,2 |
| Dầu thô xuất khẩu | 18,0 | 13,8 | 8,1 | 9,3 | 6,8 |
| Xăng dầu nhập khẩu | 11,5 | 13,0 | 9,9 | 8,4 | 12,1 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống Kê, 2017)*

***Từ số liệu ở bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình khai thác, xuất khẩu dầu thô và nhập khẩu xăng dầu ở nước ta giai đoạn 2005 - 2016?***

 A. Sản lượng khai thác dầu thô nước ta giảm liên tục qua các năm.

 B. Hơn 90% sản lượng dầu thô khai thác ở nước ta là để xuất khẩu.

 C. Xăng dầu nhập khẩu luôn lớn hơn sản lượng dầu thô xuất khẩu.

 D. Sản lượng khai thác, xuất khẩu dầu thô ở nước ta không ổn định.

***Câu 39. Cho biểu đồ:***

 ***%***

***Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2000 - 2016***

***Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2000 - 2016?***

 A. Tỉ trọng lao động trong khu vực nông- lâm- thủy sản luôn chiếm vị trí số một và tiếp tục tăng.

 B. Tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp- xây dựng luôn thấp nhất và có xu hướng giảm.

 C. Tỉ trọng lao động trong khu vực dịch vụ luôn đứng ở vị trí thứ 2 trong cơ cấu và tiếp tục tăng.

 D. Tỉ trọng lao động của các khu vực kinh tế không có sự thay đổi và luôn cân bằng trong cơ cấu.

***Câu 40. Cho biểu đồ:***

***Triệu tấn Tỉ KWh***

 ***Sản lượng than, dầu thô và điện ở nước ta giai đoạn 2000- 2016***

***Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta?***

 A. Sản lượng than tăng trong giai đoạn 2000- 2010.

 B. Sản lượng dầu thô luôn thấp hơn sản lượng than.

 C. Sản lượng điện có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

 D. Sản lượng dầu thô giảm trong giai đoạn 2005- 2010.

 ------------------------ **HẾT** ------------------------